TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/DSST
Ngày: 31/01/2024.
"V/v : Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Toan và ông Nguyễn Bá Lý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố P, tỉnh G.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2023/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-DS ngày 12/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1984. Địa chỉ: 603 Lê Đại Hành, Phường Yên T, thành Phố P, tỉnh G.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Nguyễn Văn H, sinh năm 1997. Địa chỉ: 13B Đoàn Thị Điểm, Thành phố P, tỉnh G.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1977. Địa chỉ: 54C Nguyễn Nhạc, tổ 6, Phường Yên T, thành Phố P, tỉnh G.

Đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án ông Trương Nguyễn Văn H người đại diện theo uỷ của quyền nguyên đơn trình bày:

Bà Phạm Thị N với ông Ngô Văn H có mối quan hệ quen biết với nhau, vì vậy ngày 23/4/2019 bà Ncó cho ông H vay số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* để kinh doanh, ông H có viết giấy nhận nợ đối với số tiền đã mượn với bà N, thời hạn vay một tháng và lãi suất hai bên thoả thuận là 1%/tháng. Mặc dù đã

cam kết về thời hạn trả nợ và bà Nđã nhiều lần liên lạc nhắc nhở nhưng ông H cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như ông H đã cam kết. Nay bà Nkhởi kiện yêu cầu ông H phải trả một lần số tiền gốc: 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* và lãi suất theo quy định cho đến ngày xét xử là tiền gốc 50.000.000đồng x 0,83% x 16 tháng 15 ngày = 6.847.499 đồng, tôi tính tròn và yêu cầu tiền lãi suất ông H phải trả là 6.847.000 đồng. Tổng cộng ông H phải trả cho bà Nsố tiền gốc và lãi suất chậm trả là 56.847.000đồng *(Năm mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).*

Về án phí: Đề nghị Toà án giải quyết theo qui định pháp luật.

Đối với bị đơn ông Ngô Văn H trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp, thì xác định bị đơn cư trú tại: 54C Nguyễn Nhạc, phường Yên Thế , Thành phố P, tỉnh G. Nhưng ông H không thường xuyên có mặt tại địa phương nên không thể tống đạt các văn bản trực tiếp cho ông H. Để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng ông H không đến Toà án làm việc, nên không có lời khai trình bày tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tố tụng: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thực hiện đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Ngô Văn H phải trả tổng số tiền gốc và lãi suất là: 56.847.000đồng *(Năm mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi bảy ngàn đồng)* cho nguyên đơn bà Phạm Thị N. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo qui định về hình thức và nội dung tranh chấp, bị đơn ông Ngô Văn H có nơi cư trú tại thành phố Pleiku, nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật *"Thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* là đúng theo qui định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Toà án ra bản án, các bên đương sự không đưa ra yêu cầu áp dụng thời hiệu.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Nội dung khởi kiện:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 01(Một) giấy mượn tiền (Bản gốc, bút lục số 30), nội dung giấy mượn tiền thể hiện ngày 23 tháng 4 năm 2019 ông Ngô Văn H có mượn bà Nsố tiền 50.000.000đồng, hẹn trong vòng 1 tháng trả.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc: 50.000.000đồng và tiền lãi suất chậm trả là: 0,83% x 16 tháng 15 ngày = 6.847.000đồng. Việc ký kết vay mượn tiền giữa bà Nvới ông H là hình thức giao dịch về dân sự trên cơ sở tự nguyện, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận là vi phạm cam kết giữa hai bên. Xét giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn phù hợp theo qui định, nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Ngô Văn H phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 56.847.000 đồng (trong đó tiền gốc: 50.000.000 đồng, tiền lãi suất chậm trả là 6.847.000 đồng).

Đối với bị đơn ông Ngô Văn H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H không đến Toà án làm việc, không có ý kiến phản hồi bằng văn bản để gởi đến Toà án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu (56.847.000đồng x 5%) = 2.842.350đồng *(Hai triệu, tám trăm bốn mươi hai ngàn, ba trăm năm mươi đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ***(Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).***

- Áp dụng các Điều 280, 282, 463, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N về việc *"Thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* với bị đơn ông Ngô Văn H.

[2]. Buộc bị đơn ông Ngô Văn H phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị N số tiền: 56.847.000đồng *(Năm mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi bảy ngàn đồng),* trong đó số tiền gốc 50.000.000đồng: Lãi suất chậm trả là 6.847.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[3] Về án phí: Buộc bị đơn ông Ngô Văn H phải nộp: 2.842.350đồng *(Hai triệu, tám trăm bốn mươi hai ngàn, ba trăm năm mươi đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền: 1.881.250 đồng *(Một triệu, tám trăm tám mươi mốt ngàn, hai trăm năm mươi đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005601 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, Gia Lai.

[4]. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà